

NHỮNG ĐIỂM MỚI CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2020

Ts., Ls. Lê Đình Vinh

Giám đốc Công ty Luật TNHH Vietthink,

Trọng tài viên VIAC.

Luật Đầu tư được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021, thay thế Luật Đầu tư 2014. Việc ban hành Luật Đầu tư 2020 nhằm thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế tư nhân và hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài. Với mục tiêu tổng quát nêu trên, các quy định của Luật Đầu tư đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng bảo đảm thực hiện các Nghị quyết của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết, chỉ đạo của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường Chính phủ điện tử, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hỗ trợ phát triển và cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh; đồng thời bảo đảm tuân thủ các cam kết hội nhập của Việt Nam, trong đó có các cam kết liên quan đến mở cửa thị trường, tự do hóa và bảo hộ đầu tư theo các Hiệp định đầu tư song phương cũng như Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Bên cạnh đó, Luật Đầu tư 2020 tiếp tục hoàn thiện một số quy định nhằm khắc phục những hạn chế trong quản lý hoạt động đầu tư nói chung và quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài nói riêng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia trong hoạt động đầu tư.

Dưới đây là những điểm mới cơ bản trong các quy định của Luật Đầu tư 2020.

1. Nhóm các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh và điều kiện gia nhập thị trường

1.1. Về các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề kinh doanh có điều kiện:

Luật Đầu tư 2020 tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi nguyên tắc bảo đảm quyền tự do đầu tư kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm hoặc những ngành nghề mà pháp luật quy định phải có điều kiện. Tạo lập hành lang pháp lý thông thoáng cho các hoạt động đầu tư kinh doanh, đảm bảo môi trường đầu tư an toàn cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội. Cụ thể:

- Luật đã bổ sung các quy định về hình thức áp dụng, nội dung điều kiện đầu tư kinh doanh cũng như các nguyên tắc, điều kiện, thủ tục đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (các khoản 4, 5, 6 Điều 7 và khoản 2 Điều 8) bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ của nhà đầu tư.

- Bổ sung ngành nghề “*Kinh doanh pháo nổ*” và “*Kinh doanh dịch vụ đòi nợ*” vào Danh mục các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh (điểm g, h khoản 1 Điều 6); bổ sung nội dung cấm mua bán “*bào thai người*” vào quy định cấm ngành, nghề “*Mua, bán người, mô, xác, bộ phận cơ thể người, bào thai người*” (điểm đ khoản 1 Điều 6).

- Bãi bỏ các Phụ lục I, II, III của Luật Đầu tư liên quan đến các quy định cấm đầu tư kinh doanh các chất ma túy và tiền chất, các hóa chất, khoáng vật và động vật, thực vật hoang dã bị cấm theo các công ước quốc tế và giao Chính phủ quy định chi tiết các Phụ lục này để phù hợp với thực tiễn thay đổi nhanh chóng của các sản phẩm nói trên cũng như yêu cầu quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Bãi bỏ 12 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đồng thời sửa đổi 19 ngành, nghề và bổ sung 6 ngành, nghề để phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước đối với các ngành, nghề này và bảo đảm tính thống nhất với các luật có liên quan (Phụ lục IV). Theo đó, việc bãi bỏ một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được xem xét trên cơ sở các tiêu chí: (i) Các ngành, nghề không liên quan trực tiếp hoặc không chứng minh được có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; (ii) Các ngành, nghề đã được quản lý bằng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; (iii) Các ngành, nghề mà chất lượng đầu ra của ngành nghề đó do thị trường, khách hàng lựa chọn, sàng lọc và quyết định, không cần thiết quản lý bằng điều kiện đầu tư kinh doanh; (iv) Các ngành, nghề cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có thể kiểm soát thông qua đấu thầu, đặt hàng của Nhà nước.

1.2. Về ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Luật Đầu tư 2020 đã hiện thực hóa các cam kết chung và các quy định về hạn chế tiếp cận thị trường khi Việt Nam gia nhập WTO cũng như tham gia vào các hiệp định thương mại tự do và Hiệp định bảo hộ đầu tư thế hệ mới, cụ thể là cam kết về hạn chế đối xử quốc gia đối với các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam. Theo đó:

- Luật đã xác lập nguyên tắc bình đẳng trong việc tiếp cận thị trường giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước (đây là điểm mới so với Luật Đầu tư 2014). Trong đó, nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước (khoản 1 Điều 9), trừ một số ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường và ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện. Danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường và ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài sẽ do Chính phủ ban hành, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. (Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã ban hành Danh mục các điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam).

- Điều 9 Luật Đầu tư 2020 cũng quy định rõ các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài mà Chính phủ Việt Nam kiểm soát gồm: (i) Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; (ii) Hình thức đầu tư; (iii) Phạm vi hoạt động

đầu tư; (iv) Năng lực của nhà đầu tư; đối tác tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; (v) *Điều kiện khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*. Các điều kiện trên đây xuất phát từ yêu cầu quản lý đối với hoạt động đầu tư nước ngoài của Nhà nước Việt Nam và cũng phù hợp với thông lệ pháp luật về đầu tư của các nước cũng như cam kết, ràng buộc trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Ngoài ra, một điều kiện ràng buộc khác là trước khi thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư, thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Tuy nhiên, theo Luật Đầu tư 2020 thì các quy định này không áp dụng với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (điểm c khoản 1 Điều 22).

2. Nhóm các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Nhằm đảm bảo mục tiêu thu hút đầu tư có chọn lọc, chất lượng, đồng thời tạo điều kiện để thu hút hoạt động đầu tư theo các mô hình, phương thức kinh doanh mới đã và đang xuất hiện trong xã hội hiện đại, Luật Đầu tư 2020 đã bổ sung, hoàn thiện các quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo hướng:

- Bổ sung các dự án có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong 03 năm đầu, đồng thời có doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất 03 năm kể từ ngày có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động; các dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu; các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội vào đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư (khoản 2 Điều 15).

- Bổ sung một số ngành, nghề ưu đãi đầu tư cụ thể theo hướng khuyến khích mạnh mẽ các hoạt động nghiên cứu và phát triển; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học; hoạt động đổi mới sáng tạo; sản xuất sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ tham gia chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành (khoản 1 Điều 16).

- Bổ sung hình thức ưu đãi đầu tư khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp (điểm d khoản 1 Điều 15).

- Bổ sung quy định cho phép Chính phủ quyết định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến kinh tế - xã hội (khoản 1 Điều 20); cho phép Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật Đầu tư và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (khoản 6 Điều 20).

3. Nhóm các quy định về chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư

3.1. Về quy định lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư:

Luật Đầu tư 2020 đã bổ sung các quy định nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc lựa chọn nhà đầu tư do những bất cập của Luật Đầu tư 2014 cũng như sự mâu thuẫn, chồng chéo giữa Luật Đầu tư và các quy định của hệ thống pháp luật hiện hành gây ra. Cụ thể:

- Luật đã bổ sung quy định về các hình thức lựa chọn nhà đầu tư, đồng thời nêu rõ nguyên tắc, điều kiện áp dụng đối với từng hình thức (khoản 1 Điều 29), gồm:

- + Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- + Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- + Chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của Luật đầu tư (khoản 3, 4 Điều 9).

- Luật đã đưa ra nguyên tắc xử lý trong trường hợp khi tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc đấu giá không thành theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc trường hợp tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư mà chỉ có một nhà đầu tư đăng ký theo quy định của pháp luật về đấu thầu, thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục *chấp thuận nhà đầu tư* khi nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật có liên quan (khoản 3 Điều 29).

- Luật cũng quy định rõ hơn về điều kiện và các trường hợp dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, gồm các trường hợp sau đây:

- + Nhà đầu tư có quyền sử dụng đất, trừ trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai;

- + Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- + Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao;

- + Trường hợp khác không thuộc diện đấu giá, đấu thầu theo quy định của pháp luật.

3.2. Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án:

Luật Đầu tư 2020 đã bổ sung hàng loạt quy định nhằm phân định lại thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư giữa các cơ quan có thẩm quyền một cách hợp lý; đồng thời cải cách, đơn giản hóa thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án để giảm thiểu thời gian và chi phí cho nhà đầu tư, tạo điều kiện để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án. Theo đó:

- Thay đổi hình thức “*quyết định chủ trương đầu tư*” được quy định trong Luật Đầu tư 2014 bằng hình thức “*chấp thuận chủ trương đầu tư*”.

- Áp dụng thống nhất thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư đối với các dự án xây dựng nhà ở và đô thị để tránh trùng lặp về thẩm quyền, thủ tục quyết định/chấp thuận đầu tư dự án nhà ở, đô thị theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật nhà ở, đô thị (điểm g khoản 1 Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 32).

- Bổ sung thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên (khoản 3 Điều 31). Thu hẹp phạm vi các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng loại bỏ dự án sản xuất thuốc lá điều (được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Luật đầu tư 2014), bỏ giới hạn các dự án có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên phải trình Thủ tướng (được quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư 2014).

- Bãi bỏ thủ tục 02 bước lấy ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (tại cơ quan đăng ký đầu tư cấp tỉnh và Bộ Kế hoạch đầu tư) để quy định thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm định dự án thống nhất tại một đầu mối là Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Điều 35).

- Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với một số dự án phù hợp với quy hoạch, trong đó có dự án trên 5.000 tỷ đồng, dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh sân golf (điểm c khoản 1 Điều 32). Bổ sung thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; ven biển, khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh để phù hợp với các quy định tương ứng của Luật đất đai (điểm d khoản 1 Điều 32)...

- Bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với hộ gia đình, cá nhân để áp dụng thống nhất điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư của các đối tượng này theo quy định của Luật Đất đai (điểm a khoản 1 Điều 32).

- Quy định Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt (khoản 2 Điều 31).

3.3. Về thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài:

Luật Đầu tư 2020 đã sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm nâng cao tính minh bạch, khả thi và đơn giản hóa thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đồng thời với việc nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài theo hướng:

- Không yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (điểm c khoản 1 Điều 22).

- Bãi bỏ thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại 02 đầu mối riêng (cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan đăng ký kinh doanh) để tạo cơ chế liên thông thực hiện 02 thủ tục này tại cơ quan đăng ký đầu tư.

- Bổ sung quy định yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển, khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh (điểm c khoản 2 Điều 26).

4. Nhóm các quy định về thủ tục triển khai dự án đầu tư

Luật Đầu tư 2020 tiếp tục hoàn thiện quy chế pháp lý nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong thực tế vừa qua, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai dự án đầu tư nhưng đồng thời cũng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát của Nhà nước đối với các dự án đầu tư. Trên tinh thần đó, Luật Đầu tư 2020 đã sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

- Bổ sung quy định về các nguyên tắc thực hiện dự án đầu tư (Điều 42).

- Quy định rõ các trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư (khoản 1 Điều 41), bổ sung quy định về sáp nhập, chia tách dự án đầu tư, thay đổi nhà đầu tư, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư.

- Quy định các trường hợp dự án đầu tư không được xem xét gia hạn thời hạn hoạt động gồm: (i) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; (ii) Dự án đầu tư thuộc trường hợp nhà đầu tư phải chuyển giao không bồi hoàn tài sản cho Nhà nước Việt Nam hoặc bên Việt Nam (Điều 44).

- Bãi bỏ quy định về giãn tiến độ đầu tư (theo Điều 46 Luật đầu tư 2014) để thực hiện thống nhất thủ tục điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư (Điều 41) và đồng bộ với quy định của Luật Đất đai.

- Bổ sung biện pháp bảo lãnh nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (ngoài biện pháp ký quỹ) nhằm mở rộng, đa dạng hóa các hình thức bảo đảm thực hiện dự án đầu tư và tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư (khoản 1 Điều 43).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện, thủ tục chấm dứt dự án đầu tư; trình tự, thủ tục thanh lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hướng thống nhất với quy định có liên quan của Luật Đất đai (khoản 4, 5 Điều 49).

- Bổ sung quy định về giám định giá trị vốn đầu tư, chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án trong trường hợp cần thiết để xác định căn cứ tính thuế, góp phần hạn chế chuyển giá, trốn thuế (khoản 3 Điều 45); làm rõ trách nhiệm của nhà đầu tư cũng như cơ quan Nhà nước trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư; bổ sung quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trên cơ sở giao dịch dân sự giả tạo theo quy định của pháp luật về dân sự để ngăn chặn tình trạng “đầu tư chui”, “đầu tư núp bóng” (điểm e khoản 2 Điều 48).

5. Nhóm các quy định về đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài

Luật Đầu tư 2020 bổ sung một số quy định nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài, thúc đẩy hoạt động đầu tư ra nước ngoài phát triển trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập quốc tế, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động này. Cụ thể:

- Luật đã bổ sung quy định cụ thể ngành nghề cấm đầu tư ra nước ngoài, gồm: (i) các ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư; (ii) các ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương; và (iii) ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư (Điều 53).

- Bổ sung quy định về danh mục ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện, gồm các ngành: ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, kinh doanh bất động sản (Điều 54).

- Bổ sung quy định cho phép nhà đầu tư được sử dụng lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài để tiếp tục góp vốn đầu tư ở nước ngoài trong trường hợp chưa góp đủ vốn theo đăng ký (điểm a khoản 1 Điều 67).

- Bổ sung chế tài đối với trường hợp quá thời hạn quy định mà nhà đầu tư chưa chuyển lợi nhuận về nước và không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền (Ngân hàng Nhà nước và Bộ KH-ĐT) hoặc trường hợp quá thời hạn được kéo dài theo quy định mà nhà đầu tư chưa chuyển lợi nhuận về nước (khoản 3 Điều 68)/.